

Bản án số: **415/2019/HS-PT**
Ngày: 28 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 374/2019/TLPT-HS ngày 05-11-2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và các bị cáo khác về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Các bị cáo liên quan đến kháng nghị:

1. **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1962 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số 09, đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: 12/12; tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Bác H (đã chết) và bà Tôn Nữ Thanh H; có chồng Nguyễn Văn T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 29/10/2015, bị TAND tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án số 21/2015/HSST.

Bị cáo bị bắt giam ngày 11/9/2015; có mặt.

2. **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1959 tại tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: 10/10; con ông Nguyễn Văn T (Liệt sỹ) và bà Trần Thị N; có chồng Hoàng Văn T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giam ngày 11/9/2015; có mặt.

3. **Nguyễn Văn S (L)**, sinh năm 1973 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: đường N, Tổ 15, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ điêu khắc gỗ; Trình độ văn hóa: 6/12; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Huỳnh Thị H; có vợ Lê Thị Minh K và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt.

4. **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1982 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ điêu khắc gỗ; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn T (đã chết) và bà Phùng Thị Kim P; có vợ Hồ Thị Thanh T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H:* ông **Nguyễn Văn P** - Luật sư, Văn phòng Luật sư H (H) thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H1:* ông **Nguyễn Thanh H** - Luật sư, Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- *Người bị hại có liên quan đến kháng nghị:*

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1963; trú tại: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1965; trú tại: tỉnh Quảng Trị; có mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1966; trú tại: tỉnh Quảng Trị; có mặt.

4. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962; trú tại: tỉnh Quảng Trị; có mặt.

5. Ông **Đỗ T**, sinh năm 1965; trú tại: tỉnh Quảng Trị; có mặt.

6. Anh **Hoàng Anh T**, sinh năm 1985; trú tại: tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

7. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1960; trú tại: tỉnh Quảng Trị; có mặt.

8. Chị **Phùng Thị Thúy M**, sinh năm 1974; trú tại: tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị kháng nghị:*

1. Ông **Đinh Tiên H**, sinh năm 1964; trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế; có

mặt.

2. Anh **Lê Đình T**, sinh năm 1985; trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 13 người bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù không có thẩm quyền tuyển dụng nhân sự vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế và chuyển công tác, nhưng vì mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác nên trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 9 năm 2015, Nguyễn Thị Thanh H (nguyên là cán bộ Trung tâm Y khoa MEDIC tỉnh Thừa Thiên Huế) và Nguyễn Thị H1 (nguyên là nhân viên Bệnh viện Đa khoa huyện T, tỉnh Quảng Trị) đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối làm cho nhiều người trên địa bàn các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Thanh Hóa có nhu cầu xin việc làm, chuyển công tác cho con em họ tin rằng Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị H1 có khả năng xin được việc làm, chuyển công tác cho con em họ để chiếm đoạt tài sản.

Quá trình thực hiện tội phạm, Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị H1 trực tiếp và thông qua người trung gian đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Nắm bắt được nhu cầu xin việc làm của người dân, Nguyễn Thị Thanh H nói với Đinh Tiên H và Lê Đình T (nhân viên Trung tâm Y tế huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế) là mình có khả năng xin được việc làm tại Bệnh viện Trung ương Huế, nếu ai có nhu cầu thì giới thiệu để H giúp, với giá 130.000.000 đồng/01 suất, H và T được hưởng tiền công đi lại và tiền xăng xe. Năm 2013, trong đợt tập huấn tại Bệnh viện Trung ương Huế, Nguyễn Thị H1 gặp và quen H và T. Tại đây, H1 được H và T giới thiệu Bệnh viện Trung ương Huế có tuyển dụng viên chức, nếu ai có nhu cầu thì H và T giúp với giá 100.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng. Có được thông tin này từ tháng 8/2013 đến tháng 10/2014, H1 đã hứa hẹn xin việc làm tại Bệnh viện Trung ương Huế cho 08 gia đình người bị hại, đồng thời giới thiệu họ với H và T để người bị hại chuyển tiền. Sau đó, H và T yêu cầu H1 thu tiền và trực tiếp chuyển cho H. Khi liên hệ với H, H1 nhận ra H là người quen biết trước đó nên cả hai bàn bạc cách thức thực hiện tội phạm, trong đó có việc sử dụng giấy tờ giả của Bệnh viện Trung ương Huế (Thông báo tuyển dụng, Quyết định tuyển dụng viên chức) để củng cố lòng tin

của người bị hại.

Trong đó, Đinh Tiên H và Lê Đình T giúp H chiếm đoạt của 08 người bị hại, với tổng số tiền 649 triệu đồng; cụ thể như sau:

Trường hợp thứ nhất: Chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị T.

Do có thông tin Đinh Tiên H và Lê Đình T thông qua Nguyễn Thị Thanh H để xin được việc làm tại Bệnh viện Trung ương Huế cho những ai có nhu cầu nên Nguyễn Thị H1 giới thiệu xin việc làm cho chị Hồ Thị G. Nguyễn Thị H1 và chị Hồ Thị G (trú tại khu phố 5, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) có mối quan hệ quen biết do trước đây chị G có thời gian học việc tại Bệnh viện huyện T, nơi H1 công tác. Khoảng tháng 8 năm 2013, H1 trao đổi qua điện thoại với chị G nội dung: Đinh Tiên H và Lê Đình T có khả năng xin được việc làm cho những ai có nhu cầu vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế với điều kiện phải chi ra một khoản kinh phí. Tin lời H1, chị G cùng mẹ là bà Nguyễn Thị T nhờ H1 giúp đỡ. Ngày 11/9/2013, H1 cùng hai mẹ con chị G vào nhà trọ của T ở thành phố H. Tại đây, hai mẹ con chị G trao đổi trực tiếp với T và H rồi đưa cho H 120.000.000 đồng để xin cho chị G vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế. Nhận tiền xong, H viết giấy biên nhận giao cho chị G giữ. Sau đó H chuyển toàn bộ số tiền trên cho Trần Thị L, sinh năm 1968, trú tại huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế (trước đây L có giới thiệu với H là L có khả năng xin được việc làm tại Bệnh viện Trung ương Huế thông qua Nguyễn Thị Thanh H). Khi nhận tiền, L viết giấy biên nhận giao cho H giữ rồi chuyển toàn bộ số tiền vào tài khoản của Nguyễn Thị Thanh H. Như vậy, Nguyễn Thị Thanh H đã chiếm đoạt của bà T 120.000.000 đồng.

Trường hợp thứ hai: Chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị S.

Sau khi giới thiệu xin việc làm cho chị Hồ Thị G, Nguyễn Thị H1 biết được Nguyễn Thị Thanh H không có khả năng xin được việc làm cho người khác và đã bàn bạc với Nguyễn Thị Thanh H đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu xin việc làm. Nguyễn Thị H1 có quan hệ họ hàng với bà Trần Thị S (trú tại tỉnh Quảng Trị) nên biết chị S có nhu cầu xin việc cho con gái là cháu Hoàng Thị L. Khoảng tháng 4/2014, H1 trao đổi qua điện thoại rồi thống nhất với chị S xin việc cho cháu L tại Bệnh viện Trung ương Huế với chi phí là 130.000.000 đồng. Ngày 26/7/2014, hai mẹ con bà S đến nhà H1 (tỉnh Quảng Trị) giao trước 50.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ đưa tiếp cho H1 sau khi có việc làm. Ngày 29/7/2014, H1 chuyển 50.000.000 đồng cho Lê Đình T bằng hình thức gửi qua xe khách, T nhận tại bến xe phía bắc thành phố H. Sau khi nhận tiền, T chuyển cho Nguyễn Thị Thanh H. Ngày

16/8/2015, H1 đưa cho hai mẹ con chị S xem thông báo giả về việc tuyển dụng công chức, viên chức đối với cháu L, rồi yêu cầu chị S giao thêm 10.000.000 đồng, bà S đồng ý và giao tiền, H1 đã giữ lại và chiếm đoạt số tiền này (10.000.000 đồng). Nguyễn Thị Thanh H chiếm đoạt của bà S 50.000.000 đồng.

Trường hợp thứ ba: Chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị H.

Trong dịp lễ 27/7/2014 (ngày Thương binh, liệt sỹ) Nguyễn Thị H1 đến xã Hải Lệ, thị xã Q thì gặp bà Nguyễn Thị H (trú tại thị xã Q, là bà con họ hàng với H1) có con gái là cháu Nguyễn Thị Thúy L, đang có nhu cầu xin việc làm trong ngành Y tế. H1 giới thiệu bản thân H1 có đường dây chạy việc làm tại Bệnh viện Trung ương Huế với bà H, giá mỗi suất 130.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý. Sau đó H1 liên tục gọi điện cho bà H và khẳng định là sẽ xin được việc cho cháu L thì bà H đồng ý. Tối ngày 28/7/2014, hai mẹ con bà H đến nhà H1 và giao 30.000.000 đồng để đặt cọc. H1 nhận tiền rồi viết giấy biên nhận giao cho bà H giữ. Đến tháng 5/2015, H1 điện thoại yêu cầu bà H giao thêm 50.000.000 đồng. Ngày 08/05/2015, bà H đến nhà H1 và giao thêm cho H1 50.000.000 đồng, H1 viết giấy biên nhận giao cho bà H. Đầu tháng 8/2015, H1 giao cho bà H thông báo giả về việc tuyển dụng đối với cháu L và yêu cầu giao thêm 10.000.000 đồng, bà H đồng ý và giao tiếp cho H1 10.000.000 đồng. Khoảng một tuần sau, H1 giao cho bà H quyết định giả của Bệnh viện Trung ương Huế về việc tuyển dụng viên chức và yêu cầu bà H giao thêm 10.000.000 đồng, bà H đồng ý và đã giao tiếp cho H1 10.000.000 đồng. Đến ngày 23/8/2016, H1 đến nhà bà H lấy lại quyết định, thông báo tuyển dụng viên chức giả trên. Như vậy, trong lần này H1 nhận tổng cộng từ bà H 100.000.000 đồng và đã chuyển vào tài khoản cho Lê Đình T 30.000.000 đồng vào ngày 29/7/2014, chuyển cho H 40.000.000 đồng vào ngày 08/5/2015, H1 giữ lại 30.000.000 đồng. Sau khi nhận 30.000.000 đồng từ H1, T đã chuyển cho H vào ngày 29/7/2014.

Trường hợp thứ tư: Chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị T.

Khoảng tháng 7/2014, bà Nguyễn Thị T (trú tại khu phố 3, phường 3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị) đến nhà Nguyễn Thị H1 đặt vấn đề xin việc cho con gái là cháu Châu Thị Hoài T. H1 nói: “Có đường dây xin việc nhưng phải bỏ ra 140.000.000 đồng” thì bà T đồng ý. Ngày 29/7/2014, H1 đưa hai mẹ con bà T vào thành phố H gặp Lê Đình T. Tại đây, hai mẹ con bà T trao đổi trực tiếp với T rồi giao cho T 30.000.000 đồng để xin cho cháu T vào làm việc tại Bệnh viện Trung ương Huế. Đến tháng 9 năm 2014, H1 điện thoại cho bà T nói: “Chuẩn bị 50.000.000 đồng để chuyển tiền vào Huế xin việc cho cháu”, sau đó H1 đến nhà bà T lấy 50.000.000 đồng và hứa chắc chắn rằng khoảng một đến hai tháng nữa

cháu T sẽ có việc làm. Ngày 28/8/2015, H1 đến nhà bà T giao cho ông Châu Văn Quang (chồng bà T) thông báo giả về việc tuyển dụng đối với cháu T và yêu cầu giao thêm 5.000.000 đồng nên ông Quang đã giao 5.000.000 đồng cho H1. Như vậy, H, H1 và T đã chiếm đoạt của bà T 85.000.000 đồng, trong đó: H1 trực tiếp nhận từ bà T 55.000.000 đồng, số tiền này H1 chuyển cho T, và H1 giữ lại 5.000.000 đồng. T nhận từ bà T và H1 80.000.000 đồng, sau đó chuyển cho H 70.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng T giữ lại.

Trường hợp thứ năm: Chiếm đoạt tài sản của ông Đỗ T.

Khoảng cuối tháng 7 năm 2014, qua thông tin từ người quen, ông Đỗ T (trú tại huyện T, tỉnh Quảng Trị) nghĩ rằng Nguyễn Thị H1 có khả năng xin được việc làm nên cùng con gái là cháu Đỗ Thị T H đến nhà H1 đặt vấn đề xin việc cho cháu H tại Bệnh viện Trung ương Huế. Tại đây, H1 nói với ông T: “Giờ đường đây xin việc làm vào Khoa Xét nghiệm Bệnh viện Trung ương Huế có một suất, em cần thì chị chạy cho với giá 130.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng, đặt cọc trước 60.000.000 đồng, khi nào có quyết định đi làm thì đưa đủ số tiền còn lại”. Ngày 08/8/2015, hai cha con ông T đến nhà H1 giao 60.000.000 đồng, H1 viết giấy biên nhận và nói: “Chắc chắn là được biên chế tại Bệnh viện Trung ương Huế, chờ khoảng 03 tháng là có quyết định đi làm”. Sau khi nhận số tiền này H1 chuyển toàn bộ cho Lê Đình T, T chuyển cho Nguyễn Thị Thanh H 40.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng T giữ lại.

Trường hợp thứ sáu: Chiếm đoạt tài sản của anh Hoàng Anh T.

Khoảng tháng 7 năm 2014, anh Hoàng Anh T (trú tại xã Triệu Ái, huyện T, tỉnh Quảng Trị) điều trị bệnh tại Bệnh viện đa khoa huyện T thì gặp Nguyễn Thị H1 và được H1 giới thiệu có khả năng xin việc làm cho người khác nên Tiến nhờ H1 xin cho mình vào dạy học tại thành phố H. H1 nhận lời và yêu cầu anh Tiến phải giao số tiền 90.000.000 đồng, đặt cọc trước 50.000.000 đồng. Tiến nhờ anh trai là Hoàng P giao trước cho H1 10.000.000 đồng vào ngày 28/7/2014 tại nhà máy xay xát gạo ở huyện T, tỉnh Quảng Trị. H1 cho Tiến mượn thêm 10.000.000 đồng rồi chuyển cho Lê Đình T tại nhà H1. Khi T chuyển tiền cho Nguyễn Thị Thanh H thì H yêu cầu phải đặt cọc trước đủ 30.000.000 đồng nên H1 dùng tiền của mình chuyển thêm cho T 10.000.000 đồng. Sau khi nhận được 30.000.000 đồng từ H1, T chuyển toàn bộ cho H.

Trường hợp thứ bảy: Chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn T.

Khoảng tháng 10 năm 2014, qua thông tin từ người quen ông Nguyễn Văn T (trú tại huyện T, tỉnh Quảng Trị) nghĩ Nguyễn Thị H1 có khả năng xin được việc làm tại Bệnh viện Trung ương Huế nên đã điện thoại cho H1 để nhờ

xin việc cho con của mình là Nguyễn Cao C. H1 trả lời: “Chắc chắn được, một suất có giá 140.000.000 đồng, đặt cọc trước 80.000.000 đồng”, ông T đồng ý. Ngày 13/10/2014, ông T đến nhà H1 giao cho H1 80.000.000 đồng, do bị đau tay nên H1 đọc nội dung, nhờ con gái là Hoàng Thị T H viết giấy nhận tiền thay mình. Cùng ngày hôm đó, H1 đã đưa số tiền 80.000.000 đồng vào nhà Đinh Tiên H (thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế). Ngày 18/8/2015, H1 liên lạc với ông T tới nhà H1 xem quyết định và thông báo tuyển dụng công chức, viên chức giả của Bệnh viện Trung ương Huế. H1 yêu cầu ông T đưa thêm 10.000.000 đồng và giữ lại luôn mà không chuyển cho H. Như vậy, H, H1 và H đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T 90.000.000 đồng. H1 là người trực tiếp nhận tiền từ ông T, sau đó chuyển cho Đinh Tiên H 80.000.000 đồng, H chuyển cho H 65.000.000 đồng và giữ lại 15.000.000 đồng.

Trường hợp thứ tám: Chiếm đoạt tài sản của chị Phùng Thị Thúy M.

Chị Phùng Thị Thúy M (trú tại tỉnh Quảng Trị) biết được đồng nghiệp của mình là chị Nguyễn Thị H (em gái Nguyễn Thị H1) quen biết với Đinh Tiên H. Khoảng tháng 10/2014, qua thông tin từ chị H, chị M đã trực tiếp gặp H trao đổi về vấn đề xin việc cho em gái là Phùng Thị Mai L. H đưa ra giá xin việc cho một suất là 130.000.000 đồng, đặt cọc trước 80.000.000 đồng. Ngày 26/10/2014, chị M vào nhà H giao cho H 80.000.000 đồng, sau đó H ra nhà H nhận 50.000.000 đồng, H giữ lại 30.000.000 đồng. Khoảng tháng 7/2015, qua thông tin từ H, H1 trao đổi với chị M là: “Hồ sơ của L trước đây H chịu trách nhiệm, từ thời điểm này trở đi H1 chịu trách nhiệm Do đó chị M nhiều lần gọi điện thoại cho H1 để hỏi về việc làm của chị L thì được H1 thông báo sắp có quyết định rồi nhưng phải giao thêm 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, chị M không đồng ý. H1 đưa số điện thoại của chị M cho H để H thuyết phục nên chị M đồng ý chuyển vào tài khoản của H 10.000.000 đồng, đến ngày 13/8/2015 chị M chuyển tiếp cho H 5.000.000 đồng. Ngày 14/8/2015, H1 nói với chị M đến nhà mình rồi cho chị M xem thông báo giả về việc tuyển dụng công chức, viên chức vào Bệnh viện Trung ương Huế đối với chị L (thông báo giả). Ngày 15/8/2015, H1 tiếp tục điện thoại cho chị M đến nhà mình xem Quyết định giả về việc tuyển dụng đối với chị L và yêu cầu đem theo tiền để nộp. Sau khi xem xong, chị M đưa cho H1 10.000.000 đồng, sau đó H1 đã chuyển cho H. Như vậy, H, H1 H đã chiếm đoạt của chị M là 105.000.000 đồng, trong đó H1 trực tiếp nhận từ chị M 10.000.000 đồng và chuyển cho H; H trực tiếp nhận từ chị M 15.000.000 đồng, H nhận từ chị M 80.000.000 đồng, sau đó chuyển cho H 50.000.000 đồng, H giữ lại 30.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 17/9/2019, Tòa án

nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015;

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Thanh H 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ khoản 1 Điều 267 BLHS 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Thanh H 01 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56 BLHS 2015, tổng hợp hình phạt của 02 tội: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù tại bản án số 21/2015/HSST ngày 29/10/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 24 (hai mươi bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/9/2015.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị H1 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ khoản 1 Điều 267 BLHS 1999; điểm s, x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị H1 01 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 BLHS 2015, tổng hợp hình phạt của 02 tội: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H1 phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/9/2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 267 BLHS 1999; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Văn S (tên gọi khác: L) phạt tiền: 5.000.000đ (năm triệu đồng) về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Nguyễn Quốc T phạt tiền: 5.000.000đ (năm triệu đồng) về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự; tịch thu tiền phạm tội mà có; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Tại kháng nghị số 40/2019/KN-HS-VC2 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh

Quảng Trị. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục phúc thẩm hủy Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra lại theo hướng khởi tố điều tra đối với Đinh Tiên H và Lê Đình T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 40/2019/KN-HS-VC2 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị nói trên hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HSST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để điều tra lại theo hướng khởi tố điều tra đối với Đinh Tiên H và Lê Đình T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H khai rằng: Đinh Tiên H, Lê Đình T có nhận tiền của người bị hại và của Nguyễn Thị H1 chuyển cho bị cáo H. Nhưng giữa bị cáo H với H và T không có thỏa thuận, trao đổi, hứa hẹn vấn đề gì về việc hưởng lợi từ các trường hợp xin việc. H và T không biết mục đích của bị cáo H là lừa đảo mà chỉ tin tưởng vào bị cáo H vì uy tín gia đình của bị cáo H rất lớn trong ngành y tế. Bị cáo H hứa với T và H nếu xin không được việc sẽ hoàn trả lại đầy đủ tiền. Theo bị cáo H thì T, H không phải là đồng phạm trong vụ án mà là bị hại mới đúng.

Bị cáo Nguyễn Thị H1 khai rằng: Giữa bị cáo H1 với T và H không có thỏa thuận, bàn bạc gì về việc hưởng lợi từ các trường hợp xin việc này. Bị cáo H1 giới thiệu, nhận tiền chuyển cho H và T để H và T chuyển cho bị cáo H; H và T hoàn toàn không biết bị cáo H1 thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của người bị hại nên không phải là đồng phạm.

Đinh Tiên H thừa nhận có nhận của bà Nguyễn Thị T 120.000.000đ đã chuyển toàn bộ cho bà Trần Thị L để bà L chuyển cho bị cáo H. H có nhận của chị Phùng Thị Thúy M 80.000.000đ, của bị cáo H1 80.000.000đ, đã chuyển cho bị cáo H còn giữ lại 45.000.000đ. Đinh Tiên H cho rằng do bị cáo H hứa với H là sẽ xin được việc, nếu không xin được thì sẽ hoàn trả lại tiền cho các bị hại. H tìm hiểu về gia đình bị cáo H là gia đình có uy tín trong ngành y tế tại Huế nên tin tưởng. Thậm chí H đã chuyển cho bị cáo H 60.000.000đ để xin việc làm cho con gái là Đinh Thị L Trinh. Số tiền giữ lại 45.000.000đ của 02 người bị hại là do bị cáo H yêu cầu đặt cọc thấp hơn số tiền mà H nhận của người bị hại nên H giữ lại, nếu bị cáo H không xin được việc thì trả lại cho bị hại để mất tiền cọc ít hơn. H không có mục đích giữ lại số tiền trên cho mình, vì nếu giữ lại thì giữ 60.000.000đ bằng số tiền mà H đưa cho H xin việc cho con mình.

Lê Đình T thừa nhận có nhận tiền của Nguyễn Thị H1 chuyển 220.000.000đ và bà Nguyễn Thị H chuyển đến 30.000.000đ. Tổng cộng 250.000.000đ, Lê Đình T đã chuyển cho Nguyễn Thị Thanh H 220.000.000đ, còn giữ lại 30.000.000đ. Lê Đình T cho rằng T biết Nguyễn Thị Thanh H và gia thế của H trong lĩnh vực y tế tại bệnh viện Trung ương Huế rất có uy tín nên rất tin tưởng H có thể xin được việc như lời H nói. H còn nói nếu không xin được việc thì sẽ hoàn trả lại tiền cho người bị hại nên T tin tưởng nhận tiền chuyển cho H. Giữa T với H, H1 không có sự bàn bạc hay thống nhất gì về việc được hưởng số tiền xin việc. Số tiền 30.000.000đ T giữ lại của 02 người bị hại là do H yêu cầu số tiền đặt cọc thấp hơn số tiền mà người bị hại đưa cho T, mục đích nếu có mất thì cũng mất ít. Số tiền giữ lại không sử dụng vào mục đích cá nhân. Khi H và H1 bị bắt thì T liên lạc trả lại cho bị hại.

Lời bào chữa của các luật sư cho các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1 cho rằng các bị cáo H và H1 bị Tòa án cấp sơ thẩm xử đúng người, đúng tội, các bị cáo không có kháng cáo. Các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết dứt điểm vụ án vì các bị cáo tạm giam quá lâu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án trước đây, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã trả hồ sơ điều tra bổ sung, nhưng cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị không khởi tố, truy tố đối với Đinh Tiên H và Lê Đình T nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27-10-2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 40/QĐ-HS-VC2 đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để điều tra lại theo hướng khởi tố điều tra bổ sung đối với Đinh Tiên H và Lê Đình T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 74/2018/HS-PT ngày 05-02-2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị nói trên hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 27-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị để điều tra lại theo thủ tục chung. Thế nhưng cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị vẫn không khởi tố, điều tra đối với H và T. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiếp tục kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại theo hướng khởi

tổ điều tra đối với Đinh Tiên H và Lê Đình T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2]. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong vụ án này các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác đều không có kháng cáo và không bị kháng nghị mà chỉ có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với H và T. Nhưng căn cứ vào lời khai của các bị cáo H và H1 đối chiếu với lời khai của H và T như đã nêu ở trên chưa có đủ cơ sở xác định hành vi của H và T đồng phạm với H và H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng nghị số 40/2019/KN-HS-VC2 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Quốc T; phần trách nhiệm dân sự; phần tịch thu tiền do các bị cáo phạm tội mà có; phần xử lý vật chứng; phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở T pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Liêm